



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07CH (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi RD200

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07131077	PHẠM THIÊN	HƯƠNG	07/10/89	<i>huong</i>	5	<i>nam</i>
2	07131080	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	KHANG	01/01/89	<i>olias</i>	7	<i>bay</i>
3	07131081	NGUYỄN HỒNG	KHANH	27/06/89	<i>hong</i>	6	<i>sau</i>
4	07131084	CAO VĂN	KHÁNH	10/02/89		✓	
5	07131085	TRƯƠNG CÔNG	KHIÊM	10/11/89	<i>th</i>	7	<i>bay</i>
6	07131266	LÝ THỊ DIỆU	LAN	14/06/89	<i>ly</i>	7	<i>bay</i>
7	07131089	LÊ THỊ PHONG	LINH	11/08/87	<i>lh</i>	7	<i>bay</i>
8	07131087	NGÔ THỊ NGỌC	LINH	09/01/88	<i>th</i>	7	<i>bay</i>
9	07131268	NGUYỄN MINH THỤC	LINH	22/10/89	<i>th</i>	8	<i>tam</i>
10	07131090	HUYỀN THỊ PHƯƠNG	LOAN	17/12/89	<i>duy</i>	6	<i>sau</i>
11	07131269	LÊ THỊ HỒNG	LOAN	30/04/89	<i>huan</i>	8	<i>tam</i>
12	07131270	NGUYỄN TRỌNG	LONG	11/11/88	<i>long</i>	7	<i>bay</i>
13	07131091	DƯƠNG VĂN	LỢI	20/05/89	<i>duy</i>	7	<i>bay</i>
14	07131272	NGUYỄN ĐỨC	LỢI	12/09/89	<i>duy</i>	5	<i>nam</i>
15	07131092	DƯƠNG MINH	LUẬT	01/01/89		✓	
16	07131094	NGUYỄN HOÀNG DUY	LƯU	25/06/89	<i>luu</i>	6	<i>sau</i>
17	07131095	LÊ THỊ KHÁNH	LY	10/02/88	<i>ly</i>	6	<i>sau</i>
18	07131096	HỨA HOÀNG	MINH	19/05/89	<i>huan</i>	7	<i>bay</i>
19	07131098	LÊ NHẬT	MINH	01/01/89	<i>nhut</i>	4	<i>đo</i>
20	07131099	PHẠM THẾ	MỸ	24/05/88	<i>my</i>	5	<i>nam</i>
21	07131101	ĐẶNG HOÀI	NAM	02/08/89	<i>nam</i>	7	<i>bay</i>
22	07131102	TRẦN NHƯ HOÀI	NAM	28/12/89		✓	
23	07131277	ĐẶNG THỊ VĨ	NGÂN	22/03/89	<i>thgal</i>	8	<i>tam</i>
24	07131105	LÊ HOÀNG KHÁNH	NGÂN	23/10/89	<i>ngan</i>	7	<i>bay</i>
25	07131113	NGUYỄN HOÀNG THANH	NGUYỄN	07/11/89	<i>th</i>	6	<i>sau</i>
26	07131112	PHẠM ĐỨC ANH	NGUYỄN	22/11/89	<i>phuc</i>	7	<i>bay</i>
27	07131116	TRƯƠNG ĐÀO ANH	NGUYỆT	06/07/88	<i>duy</i>	7	<i>bay</i>
28	07131119	NGUYỄN KIM	NHÃ	10/08/89	<i>kim</i>	8	<i>tam</i>
29	07131118	TRẦN ĐỨC	NHÃ	19/01/88	<i>th</i>	7	<i>bay</i>
30	07131278	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHAN	19/06/89	<i>th</i>	7	<i>bay</i>
31	07131120	ĐẶNG THỊ KIỀU	NHI	20/10/89	<i>th</i>	8	<i>tam</i>
32	07131121	ĐINH THỊ NGỌC	NHI	12/01/89	<i>th</i>	8	<i>tam</i>
33	07131122	NGUYỄN THỊ Ý	NHI	24/01/89		✓	
34	07131124	HUYỀN VĂN	NHON	14/04/85	<i>huan</i>	8	<i>tam</i>
35	07131126	ĐOÀN THỊ HỒNG	NHUNG	06/11/89	<i>th</i>	5	<i>nam</i>
36	07131131	PHAN THANH	NHỰT	26/01/89		✓	

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi Lớp DH07CH (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07131133	QUÁCH HÀ	OANH	11/12/89		✓	
38	07131136	TRƯƠNG CÔNG	PHÁP	29/03/89	<i>Pháp</i>	5	Nam
39	07131137	NGUYỄN THỊ MAI	PHI	29/04/89	<i>Phi</i>	7	Bảy
40	07131282	NGUYỄN HỒNG	PHƯƠNG	21/07/89	<i>Ph</i>	7	Bảy
41	07131145	NGUYỄN TRẦN QUÝ	PHƯƠNG	22/08/89		✓	
42	07131147	TRẦN THẾ	PHƯƠNG	17/03/89	<i>Thế Phương</i>	6	Sáu
43	07131285	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	05/07/89	<i>Bích</i>	7	Bảy
44	07131153	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	14/08/89		✓	
45	07131157	NGUYỄN THANH	SANG	21/02/89	<i>Tam Sang</i>	6	Sáu
46	07131158	ĐÀO DUY	SƠN	02/06/89	<i>Sơn</i>	6	Sáu
47	07131159	LÊ HỒNG	SƠN	24/12/87	<i>HL</i>	6	Sáu
48	07131160	TRẦN THANH	SƠN	13/06/89	<i>Th</i>	6	Sáu
49	07111231	PHẠM THANH	TÀI	16/08/89	<i>Ch</i>	5	Nam
50	07131290	PHẠM NGUYỄN ĐAN	TÂM	08/06/89	<i>Đan</i>	0	Không
51	07131291	LÊ DIỆP	TÂN	21/02/89	<i>Ly</i>	9	Chín
52	07131164	NGUYỄN MINH	THÀNH	01/01/89		✓	
53	07131169	NGUYỄN ANH	THI	15/12/88	<i>An</i>	8	Tám
54	07131231	CẨM BÀ	THỊN	14/08/88	<i>Th</i>	9	Chín
55	07131172	HUỲNH NGỌC	THỊNH	05/01/89	<i>Th</i>	7	Bảy
56	07131174	TRẦN THẾ	THÔNG	03/11/89		✓	
57	07131176	NGUYỄN THANH	THU	/ /89	<i>ng</i>	8	Tám
58	07131298	TRỊNH THỊ	THÚY	17/02/89		✓	
59	07131299	TRƯƠNG ANH	THƯ	30/12/86	<i>An</i>	6	Sáu
60	07131180	TRƯƠNG PHẠM DUY	TIẾN	12/04/89	<i>Tr</i>	5	Nam
61	07131182	ĐÌNH VŨ	TIẾN	04/11/89	<i>Đ</i>	7	Bảy
62	07131232	K'	TIẾP	07/05/87	<i>T</i>	7	Bảy
63	07131300	LÊ TRUNG	TÍN	09/06/87		✓	
64	07131302	TRẦN CHÍ	TOÀN	21/06/89	<i>TC</i>	8	Tám
65	07131186	TRƯƠNG ĐỨC	TOÀN	10/12/87	<i>TĐ</i>	2	Hai
66	07131187	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TRÀ	25/08/88	<i>HT</i>	4	Bốn
67	07131196	ĐẶNG THỊ THẢO	TRÂM	27/11/88	<i>Đ</i>	5	Nam
68	07131306	TRẦN THỊ HUYỀN	TRẦN	21/04/89	<i>HT</i>	4	Bốn
69	07131307	PHẠM MINH	TRIẾT	01/02/89	<i>Ph</i>	6	Sáu
70	07131308	PHÙNG QUANG	TRIẾT	27/04/89	<i>Ph</i>	8	Tám
71	07131309	HỒ THỊ MỸ	TRÌNH	06/08/89	<i>HT</i>	7	Bảy
72	07131203	ĐẶNG THỊ THANH	TRÚC	09/01/89		✓	
73	07131204	NGUYỄN THANH	TRÚC	21/08/88	<i>Th</i>	8	Tám
74	07131310	ĐÌNH VĂN	TRUNG	17/09/89	<i>Đ</i>	6	Sáu

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07CH (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
75	07131205	NGUYỄN HỮU	TRUNG	26/07/89	<i>Null</i>	7	<i>bảy</i>
76	07131206	ĐẶNG VĨ	TÚ	05/03/88	<i>V</i>	7	<i>bảy</i>
77	07131208	LÃ ĐỨC	TUẦN	29/04/89	<i>Thuan</i>	7	<i>bảy</i>
78	07131312	NGUYỄN MẠNH	TUẦN	16/11/88	<i>Thuan</i>	7	<i>bảy</i>
79	05131092	PHẠM HUY	TUẦN	06/04/86	<i>V</i>	7	<i>bảy</i>
80	07131213	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	29/09/88	<i>Tuyen</i>	8	<i>Tám</i>
81	07131215	PHẠM THỊ NGỌC	TUYẾT	31/03/89	<i>Như</i>	8	<i>Tám</i>
82	07131314	TRƯƠNG THỊ THANH	TUYẾT	13/08/89	<i>Thuan</i>	8	<i>Tám</i>
83	07131315	AN NGUYỄN NHÂN	VĂN	08/05/89	<i>An</i>	6	<i>Sáu</i>
84	07131218	TRẦN QUỐC	VĂN	12/03/89	<i>Quoc</i>	7	<i>bảy</i>
85	07131221	LÊ HOÀNG	VINH	02/11/88	<i>Hoang</i>	5	<i>Năm</i>
86	07131316	MAI THỊ NGUYỆT	VINH	07/12/89	<i>Thuyet</i>	5	<i>Năm</i>
87	07131228	NGUYỄN THỊ	XUÂN	07/03/87	<i>Thuan</i>	5	<i>Năm</i>

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 72 Số bài: 72 Sở từ: 111

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07CH (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi RD106

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07131234	NGUYỄN THỊ XUÂN	AN	26/05/89	An	6	Sáu
2	07131003	NGUYỄN XUÂN MINH	ANH	27/06/88	anh	6	Sáu
3	07131008	HỒ SỸ	BĂNG	20/05/89	hồ	8	tám
4	07131010	VŨ DƯƠNG	BÌNH	14/12/89	duy	7	bảy
5	07131011	VƯƠNG GIÁNG	BÌNH	30/05/89	at	7	bảy
6	07131012	TỬ MINH	CÀNH	17/06/89	Canh	8	tám
7	07131013	LIỀNG KÝ	CHÁNH	21/05/89	Chanh	7	bảy
8	07131242	LÊ THỊ THU	CÚC	27/02/89	Luc	8	tám
9	07131016	LÊ CAO	CƯỜNG	02/07/89	Caoy	7	bảy
10	07146073	LÊ QUỐC	CƯỜNG	12/01/89	quoc	5	năm
11	07131020	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DIỆM	31/11/89	phuong	7	bảy
12	07131022	BÙI THỊ NGỌC	DIỆU	16/06/88	diu	7	bảy
13	07131027	NGUYỄN HỮU	DUY	15/02/88	duy	7	bảy
14	07131245	TRẦN VĂN	DUY	18/02/86	duy	5	năm
15	07131029	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	06/09/88	duy	6	Sáu
16	07131031	PHẠM TRANG	ĐÀI	23/08/89	Trang	7	bảy
17	07131034	TRINH VÂN	ĐÌNH	11/10/86	Trinh	5	năm
18	07131246	TRẦN QUỐC	ĐÌNH	15/02/89	quoc		
19	07131251	HỒ TRỌNG	ĐỨC	15/01/90			
20	07131248	TRẦN KỶ	ĐỨC	10/08/88	ky	5	năm
21	07131035	NGUYỄN VĂN	ĐƯỜNG	01/01/88	duy	7	bảy
22	07131044	PHAN TẤN	HẢI	20/05/88	han	7	bảy
23	07131042	TRẦN DUY	HẢI	09/03/89	duy	7	bảy
24	07131045	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẠNH	20/12/88	hanh	8	tám
25	07131047	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	HĂNG	30/11/89	phuong	6	Sáu
26	07131318	PHẠM THỊ THU	HĂNG	22/12/89			
27	07131050	TRẦN THỊ THÚY	HĂNG	27/06/89			
28	07131057	HUYỀN NGỌC	HIỆP	11/09/88	huy	7	bảy
29	07131258	ĐÀO THỊ KIM	HỒNG	14/02/89	hau	8	tám
30	07131259	VÕ THỊ KIM	HUỆ	24/09/89	huu	8	tám
31	07131067	DƯƠNG MANH	HÙNG	19/07/89	manh	6	Sáu
32	07131068	NGUYỄN VĂN	HÙNG	11/12/89			
33	07131261	PHAN	HUY	20/08/89	huy	8	tám
34	07131262	HUYỀN THỊ THANH	HUYỀN	24/05/88	huy	8	tám
35	07131076	NGUYỄN NGỌC	HƯNG	04/05/89	huy	4	bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 30 Số bài: 30 Sở từ: 48

Ngày 14 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Nai

Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Duy Vinh

Xác nhận của bộ môn [Signature]

Cán bộ chấm thi 1 [Signature]

Cán bộ chấm thi 2 _____

TS. Võ Thị Hồng

TS. Phạm Văn Bằng



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07BQ (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07125003	PHAM THỊ BÍCH	AN	28/02/89		4	bốn
2	07125005	TRẦN THỊ TRƯỜNG	AN	11/11/89		6	Sáu
3	07159003	LÊ QUỐC	BẢO	02/10/89		6	Sáu
4	07125014	NGUYỄN PHI	BĂNG	08/01/88		6	Sáu
5	07125015	ĐỖ THỊ NGỌC	BÍCH	24/10/88		6	Sáu
6	07125016	PHẠM XUÂN	BÍCH	20/02/88		2	hai
7	07125017	ĐOÀN NHƯ	BÌNH	06/10/89		6	Sáu
8	07125028	VÕ VĂN	CHÍNH	06/10/89		6	Sáu
9	07125030	PHAN TRUNG	CÔNG	20/12/89		6	Sáu
10	07125032	TRẦN TRỌNG	CƯỜNG	05/01/89		7	bảy
11	07125033	HUỲNH KIM	DANH	06/10/89		0	Không
12	07125034	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỆM	09/11/89		7	bảy
13	07125037	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	DUNG	04/02/89		7	bảy
14	07125038	LÊ THỊ THỦY	DUNG	10/03/89		6	Sáu
15	07125036	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	06/01/89		5	năm
16	07125040	NGUYỄN MINH	DUY	07/08/89		6	Sáu
17	07125041	HUỲNH THỊ NHÂN	DUYÊN	18/04/89		6	Sáu
18	07125042	VŨ THỊ	DUYÊN	22/01/89		7	bảy
19	07125043	LÊ HỮU	DỰ	12/02/89		6	Sáu
20	07159004	TRỊNH VĂN	ĐÀ	06/10/89		7	bảy
21	07125299	KIỀU THỊ	ĐỘNG	08/04/84		6	Sáu
22	07125053	TRẦN THỊ	HÀ	20/10/89		6	Sáu
23	07125055	TRẦN THỊ THANH	HÀI	19/11/89		5	năm
24	07125058	DƯƠNG THỊ MỸ	HẠNH	31/05/89		7	bảy
25	07125056	PHAN THỊ HỒNG	HẠNH	12/10/89		4	bốn
26	07125065	LÊ THỊ	HẰNG	02/05/89		2	hai

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 25 Số bài: 25 Số tờ: 24

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07BQ (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	HANG	Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07125064	PHAN THỊ THANH	HANG	13/07/89		<i>Thanh</i>	8	<i>tam</i>
2	07125070	NGUYỄN CHÍ	HIẾU	29/07/89		<i>Sau</i>	4	<i>Đỗ</i>
3	07125073	PHẠM VĂN	HÒA	01/10/88		<i>Vanhoa</i>	6	<i>Sau</i>
4	07125078	TRẦN THỊ	HÔNG	24/03/89		<i>Thi</i>	6	<i>Sau</i>
5	07125080	NGUYỄN HỮU	HUÂN	01/01/87		<i>Huu</i>	8	<i>tam</i>
6	07125082	NGUYỄN MINH	HÙNG	26/08/89		<i>Phung</i>	6	<i>Sau</i>
7	07125087	ĐẬU THỊ	HUYỀN	15/12/89		<i>Thi</i>	7	<i>bay</i>
8	07125084	LÊ THỊ DIỆU	HUYỀN	03/10/89		<i>Thi</i>	7	<i>bay</i>
9	07125086	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	24/04/89		<i>Thonh</i>	6	<i>Sau</i>
10	07125091	DƯƠNG QUỐC	HƯNG	07/05/89		<i>Hung</i>	5	<i>Nam</i>
11	07125090	TRẦN PHẠM HÒA	HƯNG	17/07/88		<i>Thi</i>	0	<i>Khổng</i>
12	07125094	TÔ THỊ	HƯƠNG	03/12/89		<i>Thi</i>	8	<i>tam</i>
13	07125099	VƯƠNG TRẦN NGUYỄN	KHÔI	12/03/89		<i>Nh</i>	0	<i>Khổng</i>
14	07125103	NGUYỄN PHAN ANH	KIỆT	25/11/89		<i>Kiet</i>	6	<i>Sau</i>
15	07125105	PHẠM THỊ	KIỀU	10/06/89		<i>Kieu</i>	7	<i>bay</i>
16	07125108	TRẦN NGUYỄN THANH	LÊ	30/08/89		<i>Le</i>	8	<i>tam</i>
17	07125109	THÁI MỸ	LÊ	20/07/88		<i>My</i>	5	<i>Nam</i>
18	07125110	NGUYỄN HOÀNG	LIÊM	26/07/89		<i>Nh</i>	6	<i>Sau</i>
19	07125111	VÕ THỊ KIM	LIÊN	23/09/88		<i>Le</i>	7	<i>bay</i>
20	07125113	NGUYỄN THỊ HOÀNG	LINH	09/04/89		<i>Nh</i>	5	<i>Nam</i>
21	07125114	ỪNG THỊ MỸ	LINH	10/10/89		<i>Nh</i>	8	<i>tam</i>
22	07125122	NGUYỄN THỊ NGỌC	LỢI	16/10/88		<i>Nh</i>	5	<i>Nam</i>
23	07125126	NGUYỄN VĂN	LƯỢNG	17/11/88		<i>Nh</i>	7	<i>bay</i>
24	07125127	NGÔ THỊ	LƯỢNG	01/08/89		<i>Nh</i>	6	<i>Sau</i>
25	07125135	NGUYỄN THỊ	NGA	10/07/89		<i>Nh</i>	6	<i>Sau</i>
26	07125134	TẠ THỊ THANH	NGA	20/08/89		<i>Nh</i>	7	<i>bay</i>

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 26 Số bài: 26 Sở từ: 5T

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *[Signature]*

Cán bộ coi thi 2 *[Signature]*

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07BQ (Nhóm Thi 2) - Tổ 004 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD104

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07125212	PHẠM DƯƠNG THÔNG	THÁI	01/10/89		8	tam
2	07125213	NGUYỄN VĂN	THANH	07/06/88		7	bay
3	07125215	LÊ THỊ	THÀNH	01/02/88		6	cầu
4	07125214	NGUYỄN QUANG	THÀNH	24/03/89		4	bổ
5	07125216	LÊ HOÀNG	THÀNH	07/07/88		5	nam
6	07125220	NGUYỄN THỊ	THẢO	13/06/89		6	sau
7	07125219	TRẦN THỊ THANH	THẢO	10/07/89		5	nam
8	07125224	PHẠM THU	THẨM	03/01/89		6	sau
9	07125229	NGUYỄN TIẾN	THIỆN	16/06/89		6	sau
10	07125231	ĐOÀN VĂN	THỐNG	06/07/89		7	bay
11	07125243	NGUYỄN THỊ BẢO	THÚY	22/02/89		7	bay
12	07125245	NGUYỄN NGỌC Ý	THƯ	13/07/89		6	sau
13	07125247	LÊ THỊ KIM	THƯƠNG	26/07/89		6	sau
14	07125248	NGUYỄN THỊ THÂN	THƯƠNG	29/05/89		7	bay
15	07125252	NGUYỄN NGỌC	TIN	05/01/86		6	sau
16	07125260	ĐỖ THỊ	TRANG	15/09/89		6	sau
17	07125258	HUYỀN THỊ HUỖN	TRANG	16/01/89		7	bay
18	07125263	HỒ THỊ NGỌC	TRÂM	03/04/89		4	bổ
19	07125264	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	24/01/88		3	ba
20	07125262	TRẦN NGỌC HUỖN	TRÂM	18/01/89		4	bổ
21	07125265	ĐẶNG HỮU	TRÍ	13/02/89		7	bay
22	07125268	PHẠM THỊ PHƯƠNG	TRÌNH	04/03/89		8	tam
23	07125269	NGUYỄN	TRỌNG	19/03/89		7	bay
24	07125270	PHAN VĂN	TRỌNG	26/04/88		7	bay
25	07125272	TRẦN THỊ KIM	TRÚC	01/11/88		7	bay
26	07125273	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	10/10/89		6	sau
27	07125279	NGÔ THỊ THANH	TUYẾN	20/07/89		8	tam
28	07125283	BÙI THỊ NGỌC	UYỄN	16/01/89		8	tam
29	07125287	PHAN THỊ THU	VÂN	20/07/89		8	tam
30	07125285	TRẦN THỊ CẨM	VÂN	09/11/88		5	nam
31	07125292	LÊ VĂN	VŨ	03/03/89		7	bay
32	07125295	HỒ NGUYỄN NHƯ	XUÂN	09/02/89		4	bổ
33	07125296	NGUYỄN NHƯ	Ý	10/08/89		7	bay

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 33 Số bài: 32 Sở từ: 46

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Mai

Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Thị Ngọc Hằng

Xác nhận của bộ môn [Signature]

Cán bộ chấm thi 1 [Signature]

Cán bộ chấm thi 2 [Signature]

TS. Phạm Văn Hoàng

TS. Võ Thị Hồng



Đại học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07SP (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 - Giờ thi: 09g30 - 90 phút - Phòng thi TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07132001	KIỀU THỊ	ÁNH	23/10/89		8	Tám
2	07132055	NGUYỄN VĂN	BÍCH	23/10/86			✓
3	07132003	PHẠM THỊ	CÂN	10/02/89		6	Sáu
4	07132004	VƯƠNG THỊ	CHUNG	20/06/89	chung	6	Sáu
5	07132056	LÊ QUANG	CÔNG	26/03/88		5	ngũm
6	07132006	NGUYỄN NGỌC	DIỆM	09/10/88			✓
7	07132007	DƯƠNG THỊ HỒNG	DIỆU	20/11/89		6	Sáu
8	07132008	NGUYỄN THỊ THANH	DUNG	02/08/88		6	Sáu
9	07132010	TÔ THỊ	DUYÊN	20/07/86		5	ngũm
10	07132011	NGUYỄN VĂN	ĐĂNG	20/06/86		6	Sáu
11	07132013	NGUYỄN THỊ	GIÀU	22/08/89		8	Tám
12	07132059	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	04/08/88		8	Tám
13	07132060	VÕ THỊ THU	HÀ	26/09/89		8	Tám
14	07114079	THỊ DIỆU	HIỀN	04/07/85		8	Tám
15	07132015	VÕ THẾ	HIỆP	02/01/88		7	bảy
16	07132017	ĐỖ THỊ TUYẾT	HUỆ	13/02/89		8	Tám
17	07132062	VŨ VĂN	HÙNG	22/02/87		6	Sáu
18	07132018	LÊ THỊ THANH	HƯƠNG	03/03/88	Hương	8	Tám
19	07132019	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	10/10/88	th	8	Tám
20	07132020	PHAN THÀNH	KHOA	12/08/88		6	Sáu
21	07132021	NGUYỄN PHÂN NHÃ	KHUÊ	24/04/88		8	Tám
22	07132022	QUÁCH THỊ THÙY	LAM	20/03/89		6	Sáu
23	07132025	ĐỖ THỊ	LINH	09/09/89		7	bảy
24	07132026	VÕ THỊ TRÚC	LY	15/08/89		8	Tám
25	07132027	PHẠM THỊ TIẾC	LÝ	02/07/86		7	bảy
26	07132068	TRƯƠNG NGỌC	MAI	08/05/89		7	bảy
27	07132029	BÙI THỊ	NGA	20/06/89		7	bảy
28	07132071	NGUYỄN THU	NGA	05/03/88		7	bảy
29	07132030	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	07/02/89		7	bảy
30	07132031	TRẦN THỊ	NGÂN	15/09/88		8	Tám
31	07132073	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỆT	15/08/89		8	Tám
32	07132075	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG	17/09/88		8	Tám
33	07132077	NGUYỄN SONG	PHÁT	14/08/87		6	Sáu
34	07132078	LƯƠNG THỊ	PHẦN	05/09/89		7	bảy
35	07132080	PHẠM PHONG	PHÚ	26/11/88		5	ngũm
36	07132081	HÀ THỊ THU	PHƯƠNG	12/03/88		6	Sáu

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07SP (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07132083	ĐẶNG THỊ NAM	PHƯƠNG	13/03/89		6	Sau
38	07132084	LƯƠNG THỊ THANH	QUẾ	27/08/88		3	Pa
39	07132036	VÕ QUỐC	SƯ	08/10/88			V
40	07132085	LÊ THỊ HỒNG	SƯƠNG	12/09/89		8	Tam
41	07132037	PHAN VĂN	TÂM	15/10/89			V
42	07132087	PHẠM THỊ MỸ	THANH	18/04/89			V
43	07132039	BÙI THỊ THU	THẢO	04/10/89		9	Chín
44	07114094	CAO HẠ THANH	THẢO	05/01/88		8	Tam
45	07132088	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	28/10/89		8	Sau
46	07132089	NGUYỄN THỊ	THẾ	21/11/88		6	Sau
47	07132090	NGÔ THIÊN	THỊNH	16/06/88		6	Sau
48	07132041	HUỲNH ĐÌNH TẤN	THỊNH	05/12/89		6	Sau
49	07132093	NGUYỄN THỊ MỸ	THUẬN	02/07/89		8	Tam
50	07132094	ĐẶNG HỒNG	THÚY	17/08/88		6	Sau
51	07132096	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	02/01/89		8	Tam
52	07132095	TRẦN THỊ NHƯ	THÚY	27/11/88			V
53	07132043	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÚY	07/11/88		6	Sau
54	07132098	NGUYỄN THANH	TOÀN	10/10/87		8	Tam
55	07132045	NGÔ THỊ HUYỀN	TRANG	28/12/87		4	Bốn
56	07132046	NGUYỄN THỊ	TRANG	07/01/89		6	Sau
57	07132047	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRẦN	20/01/87		8	Tam
58	07132048	ĐẶNG THỊ MỘNG	TRÌNH	19/03/88		7	Bảy
59	07132101	NGUYỄN ĐỨC	TUẤN	13/08/83			V
60	07132051	NGUYỄN THỊ THANH	TUYẾN	22/05/89			V
61	07132050	TRẦN THỊ CẨM	TUYẾN	14/11/89		7	Bảy
62	07132052	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	20/09/89		7	Bảy
63	07132054	TRẦN THỊ KIM	XUYẾN	20/02/88		7	Bảy
64	07132104	ĐẶNG THỊ NGỌC	YẾN	17/11/88			V

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 54 Số bài: 54 Số tờ: 82

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1: *P. Q. Trang*

Cán bộ coi thi 2: *Nguyễn Văn Lành*

Xác nhận của bộ môn: *TS. Võ Thị Hồng*

Cán bộ chấm thi 1: *S. M. M.*

Cán bộ chấm thi 2: *TS. Phạm Văn Phòng*



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07SK (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07158001	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	23/10/88	2	Thuy	9
2	07158078	NGUYỄN VĂN	AN	10/10/89			Chín
3	07158082	TRẦN QUỐC	BẢO	03/02/88			
4	07158083	THUẬN HOÀNG	CHÁNH	03/02/88	2	Hoàng	7
5	07158084	DƯƠNG THỊ MỸ	CHI	26/02/89	1	Mỹ	5
6	07158086	PHẠM THỊ	DUYÊN	15/03/87	2	Phạm	6
7	07158010	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀNG	18/08/86	2	Thuy	7
8	07158091	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀNG	23/02/87	1	Thuy	5
9	07158093	NGUYỄN THỊ	HẦU	10/07/89			
10	07158094	PHẠM THỊ HOA	HIỀN	06/08/89	01	Phạm	6
11	07158011	NGUYỄN VĂN	HIỀN	17/07/88	1	Ng.	5
12	07158013	NGÔ DUY	HIỆP	14/08/89	1	Ngô	5
13	07158014	DƯƠNG THỊ KIM	HÒA	02/07/88	1	Thị	6
14	07158015	NGUYỄN ANH	HOÀNG	10/03/89	2	Anh	7
15	07158018	PHẠM VĂN	HÙNG	12/12/89	2	Phạm	6
16	07158097	LÊ CHÍ	HUY	24/06/89	1	Chi	2
17	07158101	KHEO THỊ	HƯƠNG	28/08/86	2	Hương	7
18	07158102	PHẠM THỊ	HƯƠNG	06/12/89	1	Ph.	5
19	07158103	NGUYỄN KIM	KHÁNH	06/02/89			
20	07158104	PHAN THỊ HOÀNG	KHUÊ	15/12/89			
21	07158105	NGUYỄN TRẦN KIM	KIỀU	26/03/88	3	Trần	8
22	07158107	TÀI THỊ KIM	LÂM	20/10/87	2	Tài	8
23	07158026	VÕ TẤN	LÂM	17/12/88	1	Võ	7
24	07158109	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	07/03/89	2	Mỹ	7
25	07158110	NGUYỄN THỊ NHẬT	LINH	10/09/89	2	Nhật	6
26	07158029	LÊ THỊ HỒNG	LOAN	16/05/88	2	Hồng	6
27	07158031	LÊ THỊ KIỀU	LY	15/03/89	1	Kiều	6
28	07158032	ĐỖ VĂN	MINH	06/08/87	2	Đỗ	7
29	07158113	LÊ VĂN	MINH	15/12/84	2	Lê	7
30	07158034	BÙI VĂN	MỸ	07/08/89			
31	07158116	LÊ TRỌNG	NGHĨA	20/12/89	1	Trọng	6
32	07158037	PHẠM DUY	NGUYỄN	19/04/89	1	Phạm	6
33	07158038	NGUYỄN THỊ	NHÂN	10/12/89	2	Nhân	6
34	07158117	NGUYỄN THỊ MỸ	NHIÊN	17/09/87			
35	07158118	NGUYỄN THỊ THÚY	NHIÊN	29/05/89	1	Thuy	4
36	07158041	HOÀNG THỊ XUÂN	OANH	13/07/89	2	Hoàng	8

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07SK (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07158119	ĐỖ THANH PHONG	07/06/89		✓		
38	07158120	DIỆP THỊ NHƯ	PHỤNG	03/10/89	2	8	Tam
39	07158043	LÊ THỊ KIM	PHỤNG	15/10/89	2	6	Sáu
40	07158044	THÁI THỊ BÍCH	PHƯƠNG	12/10/88	2	8	Tam
41	07158045	NGUYỄN THỊ	QUANG	06/08/89	2	8	Tam
42	07158047	CHÂU THỊ LỆ	QUÂN	20/01/89	2	7	bảy
43	07158048	ĐỖ THỊ	SANH	10/05/88	2	7	bảy
44	07158051	TRƯƠNG THỊ THANH	TÂM	14/09/89	2	7	bảy
45	07158127	NGUYỄN DUY	TÂN	21/01/87			
46	07132086	TRẦN CÔNG	TÂN	16/03/89	1	4	bốn
47	07158130	NGÔ QUỐC	THÁI	13/01/87	1	5	năm
48	07158134	HUYỀN TRẦN PHƯƠNG	THANH	19/09/89	1	4	bốn
49	07158136	PHẠM ĐỨC	THÀNH	03/05/89			
50	07158137	PHAN VIỆT	THÀNH	25/03/89	2	7	bảy
51	07158164	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	21/07/88	2	7	bảy
52	07158138	TRẦN NGỌC	THẢO	07/10/88	1	6	Sáu
53	07158140	PHẠM QUYẾT	THẮNG	20/07/89			
54	07158143	TRƯƠNG THỊ MỸ	THO	19/11/89	2	8	Tam
55	07158144	LÊ THỊ KIM	THOA	24/09/89			
56	07158059	CAO VĂN	THÔNG	05/09/88	2	8	Tam
57	07158145	LÊ THỊ THANH	THÚY	06/07/89	1	7	bảy
58	07158060	NGUYỄN THANH	THÚY	10/08/89			
59	07158061	NGUYỄN THỊ	THÚY	20/07/88	3	8	Tam
60	07158062	TRẦN THỊ MINH	THÚY	23/12/89	3	7	bảy
61	07158147	TRẦN ĐÌNH	THƯỜNG	12/07/88	1	5	năm
62	07158066	NGUYỄN THÀNH	TÍNH	08/05/89			
63	07158149	LÊ THỊ NHƯ	TRANG	27/07/88	2	7	bảy
64	07158067	ĐẶNG MINH	TRÍ	28/10/88	2	8	Tam
65	07158153	ĐOÀN HỮU	TRONG	09/09/89	2	7	bảy
66	07158155	VÕ THỊ THANH	TRÚC	22/09/89	2	8	Tam
67	07158160	ĐỖ THỊ CẨM	VÂN	21/03/89	2	8	Tam
68	07158162	NGUYỄN THANH	VIỆT	04/10/89	1	7	bảy
69	07158073	PHAN QUỐC	VIỆT	11/04/87	2	6	Sáu
70	07158074	LÊ THỊ	VUI	02/10/89	3	8	Tam
71	07158075	NGUYỄN THỊ BẢO	YẾN	10/08/88	1	7	bảy

án bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 55 Số bài: 55 Sở tờ: 96

Ngày tháng năm 200__

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Văn Tuấn

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Trinh Tâm

Xác nhận của bộ môn

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1

[Signature]

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Phạm Văn Hoàng



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07DD (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi RD105

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07148002	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	01/03/89		7	bảy
2	07148003	HUỖNH THOẠI	ANH	30/09/88		7	bảy
3	07148004	LÊ PHẠM THỤC	ANH	10/09/89		7	bảy
4	07148007	ĐOÀN THỊ MỸ	ẢNH	04/01/89		8	tám
5	07148010	NGUYỄN THANH	BÌNH	30/09/87		0	Không điểm
6	07148016	NGUYỄN LINH	CHI	01/02/88		7	bảy
7	07148017	NGUYỄN THỊ	CHUYỀN	04/04/89		7	bảy
8	07148021	LÊ THỊ	DIỆU	06/01/89		6	sáu
9	07148024	LÊ TRẦN MINH	DUY	05/06/89		4	bốn
10	07148023	PHẠM LÊ	DUY	20/02/89		7	bảy
11	07148026	NGUYỄN THỊ THÚY	DƯƠNG	10/03/88		8	tám
12	07148027	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	05/09/89		7	bảy
13	07148029	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	12/01/89		6	sáu
14	07148031	HỒ HẢI	ĐĂNG	19/09/89		7	bảy
15	07148033	NGUYỄN PHẠM HÀ	GIANG	13/05/88		7	bảy
16	07148035	VÕ TRƯỞNG	GIANG	15/10/89		6	sáu
17	07148036	NGUYỄN THỊ HUỖNH	GIAO	12/06/88		8	tám
18	07148041	PHẠM THỊ	HẠNH	05/05/89		8	tám
19	07148047	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	14/05/89		8	tám
20	07148049	LÊ ĐĂNG	HOÀNG	08/08/87		4	bốn
21	07148050	LÊ NGỌC	HOÀNG	26/06/88		4	bốn
22	07148051	VŨ THỊ	HỢI	01/09/87		0	Không điểm
23	07148053	NGUYỄN THỊ	HUỆ	06/06/89		7	bảy
24	07148056	PHẠM VĂN	HUY	25/10/89		4	bốn
25	07148058	VŨ THỊ THU	HUYỀN	20/04/89		8	tám
26	07148061	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	17/04/89		7	bảy
27	07148062	ĐỖ DUY	KHANH	29/10/89		6	sáu
28	07148063	ĐÀO DUY	KHÁNH	11/07/89			
29	07148065	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	10/01/89		8	tám
30	07148069	LÊ THỊ THU	LIÊU	19/07/89		6	sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 29 Số bài: 29 Số tờ: 42

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng